

Số: 61/2026/QĐST-DS

Quảng Ninh, ngày 26 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH15), điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 147, Điều 155, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 293, Điều 299, Điều 303, Điều 357, Điều 401, khoản 2 Điều 422, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 100 và khoản 2 Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2026, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 61/2026/TLST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V; địa chỉ trụ sở chính tại: số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội;

Người đại diện pháp luật là ông Ngô Chí D, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trịnh Chiêu M, là Trưởng phòng Xử lý nợ pháp lý Khách hàng cá nhân 3; (Văn bản ủy quyền số 16/2026/UQN-CTQT ngày 27/3/2026 của Người đại diện theo pháp luật);

Người được ủy quyền lại: ông Lê Đình T, là Trưởng bộ phận xử lý nợ; ông Nguyễn Nhật Đ, là Chuyên viên xử lý nợ; ông Nguyễn Anh D1, là Chuyên viên Xử lý nợ; đều có địa chỉ tại: V1, số E đường H, phường B, tỉnh Quảng Ninh;

(Văn bản ủy quyền số 112/2026/UQN-KHCN, ngày 10/3/2026 của ông Trịnh Chiêu M).

* Bị đơn: anh Hoàng Văn T1, sinh năm 1976 và chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1989; đều cư trú tại: số nhà A, phố A, phường B, tỉnh Quảng Ninh.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Quảng Ninh;

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Mạnh H1, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Đình C, là Công chức Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; (Quyết định ủy quyền số 447/QĐ-UBND ngày 13/4/2025 của Người đại diện theo pháp luật).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Chấm dứt Hợp đồng cho vay số 10274809 ngày 19/9/2024, Hợp đồng cho vay số LN2007132560741 ngày 28/7/2020, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V – Chi nhánh T2 và anh Hoàng Văn T1, chị Nguyễn Thị Thu H; Hợp đồng cho vay số LD2415801623 ngày 06/6/2024 (VOCL2415800301), giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V và anh Hoàng Văn T1.

2.2 Về số tiền phải trả: anh Hoàng Văn T1 và chị Nguyễn Thị Thu H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền (tạm tính đến ngày 18/6/2026) là 26.606.837.643 (hai mươi sáu tỷ, sáu trăm linh sáu triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn, sáu trăm bốn mươi ba) đồng; bao gồm: nợ gốc là 23.749.011.432 (hai mươi ba tỷ, bảy trăm bốn mươi chín triệu, không trăm mười một nghìn, bốn trăm ba mươi hai) đồng, nợ lãi trong hạn là 372.188.526 (ba trăm bảy mươi hai triệu, một trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm hai mươi sáu) đồng, nợ lãi quá hạn là 2.466.151.174 (hai tỷ, bốn trăm sáu mươi sáu triệu, một trăm năm mươi một nghìn, một trăm bảy mươi tư) đồng, lãi phạt chậm trả (tính trên nợ lãi trong hạn) là 19.486.511 (mười chín triệu, bốn trăm tám mươi sáu nghìn, năm trăm mười một) đồng.

Trong đó:

Theo hợp đồng cho vay số 10274809 ngày 19/9/2024, anh Hoàng Văn T1 và chị Nguyễn Thị Thu H nợ ngân hàng Thương mại cổ phần V (tạm tính đến ngày 18/6/2026) là 4.319.799.396 đồng; bao gồm: nợ gốc là 3.886.662.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 38.642.001 đồng, nợ lãi quá hạn là 392.526.241 đồng, lãi phạt chậm trả (tính trên nợ lãi trong hạn) là 1.969.154 đồng.

Theo Hợp đồng cho vay số LN2007132560741 ngày 28/7/2020, anh Hoàng Văn T1 và chị Nguyễn Thị Thu H nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần V (tạm tính đến ngày 18/6/2026) là 22.181.048.917 đồng; bao gồm: nợ gốc là 19.786.702.381 đồng, nợ lãi trong hạn là 332.284.420 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.044.674.082 đồng, lãi phạt chậm trả (tính trên nợ lãi trong hạn) là 17.388.034

đồng.

Theo hợp đồng cho vay số LD2415801623 ngày 06/6/2024 (VOCL2415800301), anh Hoàng Văn T1 và chị Nguyễn Thị Thu H nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần V (tạm tính đến ngày 18/6/2026) là 105.989.330 đồng, bao gồm: nợ gốc là 75.647.051 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.262.105 đồng, nợ lãi quá hạn là 28.950.851 đồng, lãi chậm trả tính trên nợ lãi trong hạn là 129.323 đồng.

- Anh Hoàng Văn T1 và chị Nguyễn Thị Thu H phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng thương mại cổ phần V, kể từ ngày 19/6/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 10274809 ngày 19/9/2024, Hợp đồng cho vay số LN2007132560741 ngày 28/7/2020, hợp đồng cho vay số LD2415801623 ngày 06/6/2024 (VOCL2415800301).

2.2 Về thời hạn trả nợ: chậm nhất ngày 30/6/2026, anh Hoàng Văn T1 và chị Nguyễn Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền 26.606.837.643 (hai mươi sáu tỷ, sáu trăm linh sáu triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn, sáu trăm bốn mươi ba) đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/6/2026 cho ngân hàng Thương mại cổ phần V.

2.3 Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập Biên bản hòa giải thành (ngày 19/6/2026) cho đến khi thi hành án xong, anh Hoàng Văn T1 và chị Nguyễn Thị Thu H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án **theo mức lãi suất quá hạn** các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 10274809 ngày 19/9/2024, Hợp đồng cho vay số LN2007132560741 ngày 28/7/2020, Hợp đồng cho vay số LD2415801623 ngày 06/6/2024 (VOCL2415800301) nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2.4 Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà anh Hoàng Văn T1 và chị Nguyễn Thị Thu H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2.5 Trường hợp đến hạn mà anh Hoàng Văn T1 và chị Nguyễn Thị Thu H không trả hoặc trả không đầy đủ toàn bộ số tiền 26.606.837.643 (hai mươi sáu tỷ, sáu trăm linh sáu triệu, tám trăm ba mươi bảy nghìn, sáu trăm bốn mươi ba) đồng và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/6/2026 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng 121,29m² đất (được giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,1), thửa đất số 218, tờ bản đồ số 101 và tài sản gắn liền với diện tích 121,29m² đất; địa chỉ: tổ G, khu B, phường B, tỉnh Quảng Ninh; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 2001140225, do

Ủy ban nhân dân tỉnh Q cấp ngày 25/3/1999; ngày 18/3/2013, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố H xác nhận biên động cho anh Hoàng Văn T1; (theo Hợp đồng thế chấp số LN2007132560741 ngày 30/7/2020).

Anh Hoàng Văn T1 và chị Nguyễn Thị Thu H có trách nhiệm phá dỡ phần công trình xây dựng ngoài giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 2001140225, cụ thể:

Tầng 1, phần công trình xây dựng ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 5,19m² (được giới hạn bởi các điểm 5,6,7,8,9,10,12,5).

Tầng 2, tầng 3, tầng 4, tầng 5, phần công trình xây dựng ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mỗi tầng là 15,4m² (được giới hạn bởi các điểm 5,6,7,8,9,10,11,15,14,13,12,5).

(Kèm theo Bản đồ khảo sát hiện trạng sử dụng đất).

2.6 Trong trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp thu hồi nợ nhưng vẫn không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần V, thì anh Hoàng Văn T1 và chị Nguyễn Thị Thu H phải có nghĩa vụ liên đới tiếp tục trả đầy đủ nợ gốc và lãi tiền vay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 10274809 ngày 19/9/2024, Hợp đồng cho vay số LN2007132560741 ngày 28/7/2020, Hợp đồng cho vay số LD2415801623 ngày 06/6/2024 (VOCL2415800301).

2.7 Về chi phí tố tụng (chi phí xem xét thẩm định tại chỗ): Ngân hàng Thương mại cổ phần V và anh Hoàng Văn T1, chị Nguyễn Thị Thu H tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.8 Về án phí dân sự sơ thẩm và xử lý tiền tạm ứng án phí:

Bị đơn anh Hoàng Văn T1 và chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện chịu 67.303.419 (sáu mươi bảy triệu, ba trăm linh ba nghìn, bốn trăm mười chín) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 66.008.646 (sáu mươi sáu triệu, không trăm linh tám nghìn, sáu trăm bốn mươi sáu) đồng, tạm ứng án phí Ngân hàng Thương mại cổ phần V đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0000332 ngày 22/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh QN;
- Đương sự;
- Người đại diện theo UQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN**Phạm Ngọc An**